

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2025/HS-ST

Ngày: 23-5-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Bích Loan;

Ông Trần Văn Tươi.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Duyên – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 02, ngày 25 tháng 4 và 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2025/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Lê Văn T, sinh năm: 1974, tại tỉnh Bạc Liêu; nơi cư trú: Khóm A, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn Đ, sinh năm: 1950 (đã chết) và bà Hồ Thị P, sinh năm: 1955; vợ: Ngô Thị N, sinh năm: 1980; con 02 người, lớn sinh năm: 1999, nhỏ sinh năm: 2003.

- Tiền sự: không có.

- Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2022/HS-ST ngày 15/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xử phạt Lê Văn T 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 02/11/2022 chấp hành xong hình phạt tù, ngày 09/9/2022 chấp hành xong án phí, chưa được xóa án tích.

- Về nhân thân: Tại Quyết định số 19/QĐ-TA ngày 18/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định đưa [Lê Văn T](#) vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng.

Bị cáo [Lê Văn T](#) bị tạm giữ từ ngày 08/10/2024 đến ngày 17/10/2024 chuyển tạm giam cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: [Nguyễn Thị Ngọc T1](#), sinh năm: 1996.

Địa chỉ: [Ấp D, xã L, huyện B, tỉnh Long An](#). (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. [Nguyễn Đức T2](#), sinh năm: 1999. (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Ấp 5, xã Gáo Giồng, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở: ấp Tấn Long, xã Thanh Phú, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

2. [Ngô Ngọc T3](#), sinh năm: 1984. (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Số 15/2 Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Chỗ ở: Khu phố 8, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

3. [Bùi Quang V](#), sinh ngày: 25/6/2007. (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Ấp 1B, xã An Thạnh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Chỗ ở: Khu phố 8, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

4. [Nguyễn Văn N1](#), sinh năm: 1979. (vắng mặt)

Địa chỉ: [Ấp E, xã N, huyện T, tỉnh Long An](#).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 20 phút ngày 04/10/2024, [Lê Văn T](#) đi bộ một mình trên đường Đường tỉnh 830 hướng từ [huyện Đ đi huyện B](#) tìm tài sản để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Đến khu vực gần [cầu X thuộc Ấp D, xã L, huyện B](#), [T](#) phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Airblade màu xanh bạc đen, Biển số 62N1-378.64 của chị [Nguyễn Thị Ngọc Thủy Đ1](#) trước cửa phòng trọ thứ 02 từ bên ngoài đi vào thuộc nhà trọ của bà [Cao Thị K](#). Sau khi quan sát thấy không có người trông coi, [T](#) nảy sinh ý định trộm xe mô tô Biển số 62N1-378.64. [T](#) đi bộ đến trước cửa phòng trọ chỗ đậu xe thì thấy cửa phòng không khóa chỉ khép hờ, nên dùng tay đẩy cửa đi vào bên trong tìm chìa khóa xe. Lúc này, chị [T1](#) đang nằm ngủ quay mặt vào tường. [T](#) thấy chùm chìa khóa

để trên bàn sát tường phía bên trái, nên T lấy chìa khóa rồi dùng chìa khóa vừa trộm được nổ máy xe mô tô Biển số 62N1-378.64 tẩu thoát về phòng trọ T đang thuê để cất giấu. Sau đó, T kêu Ngô Ngọc T3, Bùi Quang V và Nguyễn Đức T2 đi cầm xe giùm. Khi nhờ đi cầm xe, T nói xe mô tô Biển số 62N1-378.64 là của con dâu của T. Do tin tưởng, nên T2 và T3 đem xe đến tiệm cầm đồ do anh Nguyễn Văn N1 làm chủ, thuộc Áp E, xã N, huyện T cầm với giá 13.000.000 đồng. Sau đó, T2 nhờ T3 đưa 5.000.000 đồng cho T. Ngoài ra, T2 đưa cho T3 2.000.000 đồng, T2 giữ lại 6.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra có tạm giữ đồ vật, tài liệu và xử lý vật chứng như sau:

- Số tiền 2.054.000 đồng do Lê Văn T giao nộp.
- 01 áo sơ mi dài tay màu trắng, 01 quần tây màu nâu của Lê Văn T mặc khi thực hiện hành vi phạm tội.
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Airblade màu xanh bạc đen, Biển số 62N1-378.64, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô Biển số 62N1-378.64 mang tên Nguyễn Thị Ngọc T1 do Nguyễn Văn N1 giao nộp, xe và giấy chứng nhận thuộc sở hữu của chị T1, cơ quan điều tra đã trả lại cho chị T1.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 65/KL-HĐĐG ngày 10/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, định giá và kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Airblade màu xanh bạc đen, Biển số 62N1- 378.64 trị giá 15.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với các kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện B.

Tại Kết luận giám định số 108/KL-KTHS ngày 17/3/2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: Dấu vân tay trên D bản, chỉ bản số 333 lập ngày 09/10/2024 tại Công an huyện B, tỉnh Long An ghi họ tên Lê Văn T, sinh ngày 20/5/1974, nơi thường trú: Khóm A, xã L, huyện G, tỉnh Bạc Liêu với dấu vân tay trên D bản, chỉ bản số 27 lập ngày 14/02/2022 tại Công an huyện B, tỉnh Long An ghi họ tên Lê Văn T, sinh năm: 1974, nơi thường trú: Khóm A, xã L, huyện G, tỉnh Bạc Liêu là dấu vân tay của cùng một người.

Bị cáo đồng ý với Kết luận giám định của P2 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản Cáo trạng số 10/CT-VKSBL, ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức đã truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo trình bày: Bị cáo xác định Cáo trạng mô tả là đúng với hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện. Bị cáo xác định Cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là không oan.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án.

Phản tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

1. Tuyên bố bị cáo [Lê Văn T](#) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 38; 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo [Lê Văn T](#) từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

3. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo [Lê Văn T](#).

4. Về dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Chị [Nguyễn Thị Ngọc T1](#) đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường, nên không xét đến.

Buộc [Nguyễn Đức T2](#) bồi thường cho anh [Nguyễn Văn N1](#) số tiền 13.000.000 đồng.

Buộc [Lê Văn T](#) trả lại cho [Nguyễn Đức T2](#) số tiền 5.000.000 đồng.

Buộc [Ngô Ngọc T3](#) trả lại cho [Nguyễn Đức T2](#) số tiền 2.000.000 đồng.

5. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đề nghị tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án số tiền 2.054.000 đồng.
- Đề nghị tịch thu và tiêu hủy 01 áo sơ mi dài tay màu trắng, 01 quần tây màu nâu của [Lê Văn T](#) mặc khi thực hiện hành vi phạm tội.
- Bị cáo đồng ý với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an huyện B](#), Điều tra viên; Viện kiểm

sát nhân dân huyện Bến Lức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Tuy nhiên, cơ quan điều tra đã tiến hành ghi lời khai của họ, việc vắng mặt của những người này không trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả. Bị cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy, lời nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với tất cả các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 20 giờ 20 phút ngày 04/10/2024, [Lê Văn T](#) lén lút trộm xe mô tô loại Airblade màu xanh bạc đen, Biển số 62N1-378.64 trị giá 15.000.000 đồng của chị [Nguyễn Thị Ngọc T1](#) để ở trước cửa phòng trọ thứ 02 của nhà trọ do bà [Cao Thị K](#) làm chủ thuộc [Ấp D, xã L, huyện B, tỉnh Long An](#). Do đó, hành vi của bị cáo [Lê Văn T](#) đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác và gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo đã biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, trái đạo đức xã hội, nhưng vì mục đích tư lợi, muốn có tiền tiêu xài nhanh chóng mà bất chấp pháp luật. Ngoài ra, bị cáo nhân thân xấu. Bị cáo đã từng bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” và bị xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện bản thân trở thành công dân có ích cho xã hội mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy phải xử lý bị cáo thật nghiêm khắc.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2022/HS-ST ngày 15/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xử phạt [Lê Văn T](#) 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tại phần lý lịch của bị cáo của Bản án này có ghi tên cha [Lê Văn Đ](#), sinh năm: 1950 (đã chết), tên mẹ là [Ngô Thị P1](#), sinh năm: 1955.

Tại Lý lịch bị can lập ngày 19/11/2024, thể hiện tên cha [Lê Văn Đ](#), sinh năm: 1950 (đã chết), tên mẹ là [Hò Thi P](#), sinh năm: 1955.

Tại Kết luận giám định số 108/KL-KTHS ngày 17/3/2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: Dấu vân tay trên [D](#) bản, chỉ bản số 333 lập ngày 09/10/2024 tại [Công an huyện B](#), tỉnh Long An ghi họ tên [Lê Văn T](#), sinh ngày 20/5/1974, nơi thường trú: [Khóm A, xã L, huyện G, tỉnh Bạc Liêu](#) với dấu vân tay trên [D](#) bản, chỉ bản số 27 lập ngày 14/02/2022 tại [Công an huyện B](#), tỉnh Long An ghi họ tên [Lê Văn T](#), sinh năm: 1974, nơi thường trú: [Khóm A, xã L, huyện G, tỉnh Bạc Liêu](#) là dấu vân tay của cùng một người.

Tại phiên tòa, bị cáo xác định đã bị Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2022/HS-ST ngày 15/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bị cáo có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích, nhưng bị cáo tiếp tục phạm tội là “tái phạm”, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được áp dụng tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết như phân tích ở trên. Hội đồng xét xử xét thấy, phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa những hành vi vi phạm pháp luật có thể xảy ra trong xã hội. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng loại hình phạt tù có thời hạn và mức hình phạt đối với bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[8] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, xét thấy hình phạt chính đối với bị cáo là nghiêm khắc, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Đối với hành vi đem xe đi cầm của [Ngô Ngọc T3](#), [Bùi Quang V](#), [Nguyễn Đức T2](#) và hành vi cầm xe của [Nguyễn Văn N1](#), xét thấy [Ngô Ngọc T3](#), [Bùi Quang V](#), [Nguyễn Đức T2](#) và [Nguyễn Văn N1](#) không biết xe là tài sản do phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý [T3](#), [V](#), [T2](#) và [N1](#) là phù hợp.

[10] Về dân sự:

Chị [Nguyễn Thi Ngọc T1](#) đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không xét đến.

Anh [Nguyễn Văn N1](#) yêu cầu [Nguyễn Đức T2](#) bồi thường 13.000.000 đồng tiền cầm xe và [T2](#) đồng ý. Xét thấy, yêu cầu của anh [N1](#) là phù hợp nên được chấp nhận.

[Nguyễn Đức T2](#) yêu cầu và [Lê Văn T](#) đồng ý trả lại số tiền 5.000.000 đồng cho [T2](#), [Ngô Ngọc T3](#) xác định [T2](#) chỉ đưa cho [T3](#) số tiền 2.000.000 đồng và [T3](#) đồng ý trả lại cho [T2](#) 2.000.000 đồng. Do đó, chỉ có căn cứ buộc [Lê Văn T](#) trả lại cho [T2](#) số tiền 5.000.000 đồng, buộc [Ngô Ngọc T3](#) trả lại cho [T2](#) số tiền 2.000.000 đồng.

[11] Về vật chứng:

- Đối với số tiền 2.054.000 đồng, đây là số tiền [Lê Văn T](#) thu lợi bất chính, nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- 01 áo sơ mi dài tay màu trắng, 01 quần tây màu nâu của [Lê Văn T](#) mặc khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo [T](#) từ chối nhận lại nên tịch thu và tiêu hủy.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Airblade màu xanh bạc đen, Biển số 62N1-378.64, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 62N1-378.64 mang tên [Nguyễn Thị Ngọc T1](#), hiện cơ quan điều tra đã trả lại cho chị [T1](#) là phù hợp.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm; [Nguyễn Đức T2](#), [Ngô Ngọc T3](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo [Lê Văn T](#) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 38; 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo [Lê Văn T](#) 02 (hai) năm tù.

Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo, ngày 08/10/2024.

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo [Lê Văn T](#) 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

3. Về dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 166, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc anh [Nguyễn Đức T2](#) bồi thường cho anh [Nguyễn Văn N1](#) số tiền 13.000.000 đồng.

Buộc bị cáo [Lê Văn T](#) trả lại cho anh [Nguyễn Đức T2](#) số tiền 5.000.000 đồng.

Buộc bị cáo [Ngô Ngọc T3](#) trả lại cho anh [Nguyễn Đức T2](#) số tiền 2.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu và tiêu hủy 01 áo sơ mi dài tay màu trắng, 01 quần tây màu nâu.

Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án số tiền 2.054.000 đồng của [Lê Văn T](#).

Vật chứng đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức.

5. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Buộc bị cáo [Lê Văn T](#) phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Buộc [Nguyễn Đức T2](#) phải chịu 650.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Buộc [Ngô Ngọc T3](#) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo có mặt tại tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Long An;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ; án văn.

Đoàn Thanh Lâm